

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2025/DS-PT

Ngày: 28 – 4 – 2025

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân;

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 790/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Dương Thị P**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà P là: Anh **Trần Đăng K**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Dương Văn N**, sinh năm 1945.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông N: Ông **Trần Anh D**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đ, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1951;

Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1976;

Anh **Dương Văn Đ1**, sinh năm 1979;

Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1987;

Chị **Nguyễn Bé B**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Cháu **Lê Dương Tấn P1**, sinh năm 2012;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo pháp luật của cháu P1: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1976.*

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Cháu **Dương Nguyễn Bảo N1**, sinh năm 2014;

Cháu **Dương Nguyễn Khánh N2**, sinh năm 2017.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

*Đại diện theo pháp luật của cháu Bảo N1, Khánh N2: Anh **Dương Văn Đ1**, sinh năm 1979.*

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Đ, Dương Thị T, Nguyễn Bé B, Dương Văn Đ1, Dương Văn H: ông **Trần Anh D**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đ, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn **Dương Văn N**.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Dương Thị P và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Đăng K trình bày:*

Cụ Dương Văn P2 (mất năm 1976) và cụ Nguyễn Thị B1 (mất trước năm 1975). Cụ P2 và cụ B1 có 06 người con: Ông Dương Văn T1 (mất khoảng 03 năm), ông Dương Văn N, bà Dương Thị B2, bà Dương Thị B3 (đã mất), bà Dương Thị P và bà Dương Thị M.

Cụ Dương Văn P2 chết để lại cho các anh em bà Dương Thị P diện tích khoảng 12.000m². Sau khi cụ Dương Văn P2 chết vào khoảng năm 1980, các anh em bà P thống nhất phân chia phần đất diện tích khoảng 12.000m² cho mỗi người một phần đất để canh tác, trong đó chia cho ông Dương Văn T1 khoảng 1.000m², bà Dương Thị B2 khoảng 800m², bà Dương Thị M khoảng 1.000m², còn bà Dương Thị P được chia 1.280m². Từ khi bà P được chia thửa đất trên thì bà P đã canh tác cho đến nay không ai tranh chấp, phần đất còn lại là của ông Dương Văn N canh tác. Hiện ông T1, bà B2, bà M đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng đối với phần diện tích đất mà bà P đang canh tác thì ông Dương

Văn N đã tự ý kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà P không hay biết gì. Ông N có hứa khi nào bà P có gia đình riêng sẽ cắt chia cho bà P đứng tên 1.000m² nhưng đến nay bà P vẫn chưa có gia đình. Bà P có hứa với anh Dương Văn Đ1 (con trai của ông Dương Văn N) và ông Dương Văn N, nếu bà P đứng tên giấy đất sẽ giao cho anh Đ1 làm di sản thờ cúng. Sau đó, bà P và anh Đ1 xảy ra mâu thuẫn nên bà P đòi lấy đất để bán và bà P đã có yêu cầu ông N phải làm thủ tục tách thửa, sang tên trả lại cho bà P phần diện tích đất 1.280m², thửa 1016 (nay là thửa 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m²) tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng ông N không đồng ý nên bà P có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang hòa giải nhưng không thành nên bà P mới nộp đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết.

Nay, bà Dương Thị P yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của bà Dương Thị P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị P là anh Trần Đăng K rút yêu cầu khởi kiện về việc bà Dương Thị P buộc ông Dương Văn N và các thành viên hộ gia đình ông Dương Văn N là bà Nguyễn Thị Đ, chị Dương Thị T, anh Dương Văn Đ1, anh Dương Văn H, chị Nguyễn Thị B4 Ba phải sang tên thửa đất trên cho bà Dương Thị P.

** Bị đơn ông Dương Văn N và anh Dương Văn Đ1 là đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn N trình bày:*

Cha của ông Dương Văn N là cụ Dương Văn P2 mất để lại cho ông Dương Văn N phần đất diện tích khoảng 12.000m². Sau đó, ông N tự nguyện chia cho các anh em mỗi người một phần đất để canh tác. Ông N đã chia cho ông Dương Văn T1 khoảng 1.000m², bà Dương Thị B2 khoảng 800m², bà Dương Thị M khoảng 1.000m².

Tại Tờ kê khai hiện trạng diện tích đất ruộng của từng hộ gia đình thì hộ gia đình ông Dương Văn N có 05 nhân khẩu gồm: Ông N, bà Nguyễn Thị Đ, chị Dương Thị T, anh Dương Văn Đ1 và anh Dương Văn H; diện tích được cấp là 9.000m². Gia đình ông N có mua thêm phần đất 600m². Năm 1993, ông N đi đăng ký kê khai và được cấp giấy đất vào ngày 18/11/1996 gồm 05 thửa: Thửa 1016, diện tích 1.280m²; thửa 1367, diện tích 600m²; thửa 1207, diện tích 1.415m²; thửa 1017, diện tích 4.611m²; thửa 413, diện tích 3.562m². Năm 2003, đo đạc lại. Đến năm 2008, ông N được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa 197, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.703m²; thửa 282, tờ bản đồ số 8 diện tích 5.572m²; thửa 168, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.338,8m². Sau khi được cấp giấy đất, ông N đã cho bà Dương Thị P canh tác phần đất 1.280m², ông N có hứa khi nào bà P có gia đình riêng sẽ cắt chia cho bà P đứng tên nhưng đến nay bà P vẫn chưa có gia đình. Bà P có hứa với anh Dương Văn Đ1 và ông Dương Văn N, nếu bà P đứng tên giấy đất sẽ giao cho anh Đ1 làm di sản thờ cúng và phụng dưỡng bà P. Sau đó, bà P và anh Đ1 xảy ra mâu thuẫn nên bà P đòi lấy đất để bán và bà P đi

khởi kiện.

Nay, ông Dương Văn N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần đất mà bà P đang ở và quản lý sử dụng là do ông N cho hơn 40 năm nay. Khi cho đất ông N có nói là cho bà P ở trên đất đến hết đời, sau này già yếu sẽ giao lại cho con ông N là Dương Văn Đ1 canh tác để phụng dưỡng bà P. Do mâu thuẫn trong gia đình giữa ông N và bà P nên bà P mới yêu cầu đứng tên và có ý định bán cho người khác chứ không để lại cho anh Đ1. Nay ông Dương Văn N vẫn đồng ý cho bà P ở và quản lý canh tác đất đến hết đời nhưng không đồng ý làm thủ tục sang tên cho bà P. Ông Dương Văn N yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị P chỉ sử dụng và khai thác hoa lợi trên đất đối với thửa 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Dương Văn Đ1 là đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn N rút yêu cầu phản tố về việc ông Dương Văn N yêu cầu Tòa án áp dụng quy định pháp luật về thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản.

** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 09/7/2024, bà Dương Thị B2 trình bày:*

Cụ Dương Văn P2 (mất năm 1976) và cụ Nguyễn Thị B1 (mất trước năm 1975). Cụ P2 và cụ B1 có 06 người con: Ông Dương Văn T1 (đã mất), ông Dương Văn N, bà Dương Thị B2, bà Dương Thị P, bà Dương Thị M, bà Dương Thị B3 (đã mất).

Khi cụ P2, cụ B1 còn sống Nhà nước có cấp cho cụ P2 phần đất diện tích 12.000m². Khi cụ P2, cụ B1 chết thì ông Dương Văn N đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần di sản này. Khoảng năm 1991-1992, ông Dương Văn N đã cắt chia cho ông Dương Văn T1 1.000m² chưa sang tên. Sau khi ông T1 mất, ông N làm thủ tục cắt đất sang tên cho anh Dương Văn B5 (con ông T1) và anh B5 đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ P2, cụ B1 có cắt chia cho bà phần đất 800m², cho trước năm 1975, bà đã làm thủ tục đăng ký kê khai và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Dương Văn N cắt chia cho bà Dương Thị M phần đất 1.000m² và bà M đã đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích tranh chấp 1.280m² là do ông Dương Văn N cho bà Dương Thị P hơn 40 năm và bà P đã canh tác từ đó đến nay. Lúc cho đất, ông N có kêu bà P đi đăng ký kê khai nhưng bà P chần chừ không đi, bà P có ý định sẽ cho phần đất này cho anh Dương Văn Đ1 để phụng dưỡng và thờ cúng cho bà P. Sau đó, bà P và anh Đ1 xảy ra tranh chấp nên bà P khởi kiện. Hiện phần đất này đang do bà P canh tác, bà P không có chồng con. Ngoài phần đất này, bà P có cất căn nhà cấp 4, mái tole sát mí nhà ông N.

Nay, bà Dương Thị P khởi kiện ông Dương Văn N, bà thống nhất với yêu cầu của bà P, ông N phải cắt chia phần đất 1.280m² để bà P canh tác và làm nguồn sống cho bản thân.

** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 09/7/2024, anh Dương Văn B5 trình bày:*

Anh là con của ông Dương Văn T1. Ông T1 đã mất. Khoảng năm 1991-1992, ông Dương Văn N đã cắt chia cho ông Dương Văn T1 1.000m². Nay, anh đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Dương Văn N cắt chia cho bà Dương Thị M phần đất 1.000m² và bà M đã đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích tranh chấp 1.280m² là do ông Dương Văn N cho bà Dương Thị P hơn 40 năm và bà P đã canh tác từ đó đến nay. Lúc cho đất, ông N có kêu bà P đi đăng ký kê khai nhưng bà P chưa đi vì bà P có ý định sẽ cho phần đất này cho anh Dương Văn Đ1 để phụng dưỡng và thờ cúng cho bà P. Sau đó, bà P và anh Đ1 xảy ra tranh chấp nên bà P khởi kiện. Hiện phần đất này đang do bà P canh tác, bà P không có chồng con. Ngoài phần đất này, bà P có cất căn nhà cấp 4, mái tole sát mí nhà ông N.

Nay, bà Dương Thị P khởi kiện ông Dương Văn N, anh thống nhất với yêu cầu của bà P, ông N phải cắt chia phần đất 1.280m² để bà P có nơi sinh sống và có đất canh tác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DSST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 155, Điều 158, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 95, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP15/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P.

Công nhận thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Dương Thị P. Đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Y; Hướng Nam giáp đường T; Hướng Tây giáp phần đất bà Dương Thị M; Hướng Đông giáp kênh (Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Bà Dương Thị P được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P về việc buộc ông Dương Văn N và các thành viên hộ gia đình ông Dương Văn N là bà Nguyễn Thị Đ, chị Dương Thị T, anh Dương Văn Đ1, anh Dương Văn H, chị Nguyễn B4 Ba phải sang tên thửa đất 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² cho bà Dương Thị P.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn N về việc buộc bà Dương Thị P chỉ sử dụng và khai thác hoa lợi trên đất đối với thửa 168,

tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn N về việc yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để chia di sản thừa kế.

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, bị đơn Dương Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Dương Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của bà Dương Thị P. Ông Dương Văn N giữ nguyên yêu cầu phản tố chỉ đồng ý cho bà Dương Thị P quyền sử dụng và khai thác hoa lợi trên đất đối với thửa 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến khi chết.

Người kháng cáo: ông Dương Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông Dương Văn N kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 76/2024/DSST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (có bài phát biểu phân tích cụ thể kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn bà Dương Thị P khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của bà Dương Thị P nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là phù hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Dương Thị P với bị đơn ông Dương Văn N là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Dương Văn N là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn N Hội đồng xét xử nhận thấy:

Những nội dung hai bên đều thống nhất không cần phải chứng minh: Cha là cụ Dương Văn P2 (mất năm 1976) mẹ là cụ Nguyễn Thị B1 (mất trước năm 1975). Cụ P2 và cụ B1 có 06 người con: Ông Dương Văn T1, ông Dương Văn N, bà Dương Thị B2, bà Dương Thị B3 (đã mất), bà Dương Thị P và bà Dương Thị M. Cụ P2 chết để lại diện tích khoảng 12.000m². Sau khi cụ P2 chết đến khoảng năm 1980, các anh em bà P thống nhất phân chia phần đất diện tích khoảng 12.000m² cho mỗi người một phần đất để canh tác, trong đó chia cho ông Dương Văn T1 khoảng 1.000m², bà Dương Thị B2 khoảng 800m², bà Dương Thị M khoảng 1.000m², còn bà Dương Thị P được chia 1.280m², phần đất còn lại là của ông Dương Văn N canh tác. Năm 1996 ông N đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00715 ngày 18/11/1996 với tổng diện tích 11.468 m² (bút lục 133). Sau khi được cấp giấy ông N đã làm thủ tục tách thửa sang tên cho các anh em đối với phần diện tích được chia. Hiện ông T1, bà B2, bà M đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng bà P chưa làm thủ tục tách thửa sang tên phần đất được chia 1.280 m². Thửa đất trên bà P canh tác từ đó cho đến nay không ai tranh chấp.

Nội dung hai bên còn tranh chấp: Bà P cho rằng bà được chia đất của cha mẹ để lại. Do bà không có lập gia đình và dự định sau này để lại cho con ông N là anh Dương Văn Đ1 phụng dưỡng và thờ cúng cho bà nên bà để cho ông N đứng tên mà chưa yêu cầu tách ra. Phía ông N thì cho rằng thời điểm cho đất bà P có nói miệng chỉ cho ở trên đất canh tác hưởng lợi đến hết đời mà thôi.

Nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2024 ông N và anh Đ1 đều xác định ông N có hứa khi nào bà P lập gia đình thì ông sang tên cho bà P phần đất được chia. Bà P có hứa khi được đứng tên giấy thì sau này để lại cho anh Đ1 làm di sản thờ cúng cho bà P (bút lục 120). Như vậy, với lời thừa nhận trên phía ông N đã mặc nhiên thừa nhận có chia đất của cha mẹ để lại cho bà P vì đồng ý đó sẽ là di sản thờ cúng cho bà P sau này giao cho anh Đ1 quản lý thờ cúng bà P. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Ông Dương Văn N kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới để xem xét nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Dương Văn N được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn N giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 225/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P.

Công nhận thừa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Dương Thị P. Đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Y; Hướng Nam giáp đường T; Hướng Tây giáp phần đất bà Dương Thị M; Hướng Đông giáp kênh (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Bà Dương Thị P được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P về việc buộc ông Dương Văn N và các thành viên hộ gia đình ông Dương Văn N là bà Nguyễn Thị Đ, chị Dương Thị T, anh Dương Văn Đ1, anh Dương Văn H, chị Nguyễn B4 Ba phải sang tên thửa đất 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² cho bà Dương Thị P.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn N về việc buộc bà Dương Thị P chỉ sử dụng và khai thác hoa lợi trên đất đối với thửa 168, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 1.194,9m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến khi chết.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn N về việc yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để chia di sản thừa kế.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị P tự nguyện chịu và đã nộp xong.

5. Về án phí:

Ông Dương Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân